TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC ----------
Số: 131 /2019/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 06 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Hùng

2. Bà Vũ Thị Diệu Thúy

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 110/2019/TLST - HNGĐ ngày 12/9/2019

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997
HKTT: Tổ dân phố T, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên
Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Phố B, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên
* Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng Đ; sinh năm 1994
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên
* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
+ Cháu Nguyễn Hồng V, sinh ngày 27/7/2012
+ Cháu Nguyễn Hồng H, sinh ngày 25/3/2016
Đại diện theo pháp luật của cháu V: Anh Nguyễn Hồng Đ; sinh năm 1994
Đại diện theo pháp luật của cháu H: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997
Đều có địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hồng Đ thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hồng Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng V sinh ngày 27/7/2012, cháu

Nguyễn Hồng H sinh ngày 25/3/2016.

Anh Đ, chị T thỏa thuận thống nhất giao cháu H cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu H thành niên. Giao cháu V cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu V thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Vì lợi ích của con chung, chị T, anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh Đ, chị T có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh Đ, chị T thực hiện quyền này.

Về tài sản, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Anh Đ, chị T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004091 ngày 12/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào. Chị T đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Tuấn Trọng

Nơi nhận:
- *Đương sự.*
- *VKSND thị xã M*
- *Chi cục T.H.A DS thị xã M.*
- *UBND phường D;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*